

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 23 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **30/06/2018** Giờ thi: _____ Phòng thi: **B212**

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
1	100001	Đặng Công Xuân	An	16/12/90		
2	100002	Cấn Thị Vân	Anh	22/11/95		
3	100003	Lê Trần Vân	Anh	27/08/91		
4	100004	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	25/12/90		
5	100005	Nguyễn Thị Kim	Anh	13/02/92		
6	100006	Phùng Công	Anh	17/08/95		
7	100007	Phạm Gia	Bảo	19/11/96		
8	100008	Phan Văn	Bé	10/01/93		
9	100009	Trương Thái	Bình	26/02/96		
10	100010	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	27/10/95		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 23 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **30/06/2018** Giờ thi: _____ Phòng thi: **B212**

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
11	100011	Lê Ngọc	Cầm	02/07/97		
12	100012	Lê Đình	Cả	18/05/89		
13	100013	Cao Hoàng Bảo	Châu	03/04/94		
14	100014	Hồ Bảo	Châu	17/11/96		
15	100015	Ngô Đình	Châu	20/08/90		
16	100016	Phạm Hoàng	Châu	11/02/94		
17	100017	Ngô Kim	Chi	06/01/92		
18	100018	Nguyễn Thị Diễm	Chi	26/12/93		
19	100019	Hồ Thị Thu	Chung	28/02/93		
20	100020	Hoàng Quốc	Cường	01/01/92		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 23 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **30/06/2018**

Giờ thi: _____

Phòng thi: **B212**

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
21	100021	Nguyễn Huy	Dâng	12/03/94		
22	100022	Cần Thị Kim	Dung	09/08/87		
23	100023	Lê Thị Thu	Dung	14/01/96		
24	100024	Nguyễn Thị Thùy	Dung	27/12/94		
25	100025	Đỗ Mỹ	Duyên	22/08/96		
26	100026	Võ Thị Mỹ	Duyên	11/02/95		
27	100027	Trần Khánh	Duy	16/10/95		
28	100028	Trịnh	Duy	24/12/96		
29	100029	Hồ Thanh Duy	Dũ	21/08/95		
30	100030	Vũ Ngọc	Dũng	20/05/91		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 23 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **30/06/2018**

Giờ thi: _____

Phòng thi: **B212**

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
31	100031	Lê Thị	Dịu	20/03/89		
32	100032	Ngô Cao Thùy	Dương	07/02/96		
33	100033	Nguyễn Thùy	Dương	24/07/81		
34	100034	Ngô Phát	Đạt	15/10/92		
35	100035	Nguyễn Thành	Đạt	27/05/95		
36	100036	Trương Thị Hồng	Đào	10/08/92		
37	100037	Võ Thị Hồng	Đào	01/01/96		
38	100038	Bùi Thị Xuân	Đông	20/08/96		
39	100039	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	29/07/94		
40	100040	Trương Thị Ngọc	Hân	29/09/96		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 23 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **30/06/2018** Giờ thi: _____ Phòng thi: **B212**

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
41	100041	Diệp Trần Phúc	Hậu	20/06/94		
42	100042	Nguyễn Trung	Hậu	24/02/93		
43	100043	Võ Thị Thu	Hậu	24/07/96		
44	100044	Nguyễn Thị Bích	Hằng	12/10/96		
45	100045	Trần Thị Xuân	Hằng	02/12/92		
46	100046	Trương Thị Thu	Hằng	08/04/94		
47	100047	Đặng Thị Ngọc	Hạnh	27/07/97		
48	100048	Đỗ Thị Bích	Hạnh	07/06/95		
49	100049	Nguyễn Thị Tuyết	Hạnh	04/11/96		
50	100050	Phạm Hải Hồng	Hạnh	16/02/94		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 23 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **30/06/2018** Giờ thi: _____ Phòng thi: **B213**

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
51	100051	Đỗ Thị	Hà	10/07/89		
52	100052	Trần Ngân	Hà	07/07/93		
53	100053	Trần Thị Hồng	Hà	02/03/96		
54	100054	Nguyễn Dương	Hải	02/09/95		
55	100055	Nguyễn Trường	Hải	13/11/93		
56	100056	Trần Minh	Hên	30/12/89		
57	100057	Lê Thị Thu	Hiền	15/08/92		
58	100058	Nguyễn Phúc Quý	Hiền	11/09/89		
59	100059	Trần Thị	Hiền	15/01/96		
60	100060	Chế Phương	Hiếu	27/04/94		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 23 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **30/06/2018**

Giờ thi: _____

Phòng thi: **B213**

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
61	100061	Lê Hoài	Hiếu	22/10/95		
62	100062	Lê Trung	Hiếu	26/04/91		
63	100063	Hồ Thị Thanh	Hiệp	01/12/96		
64	100064	Nguyễn Văn Huy	Hoàng	05/10/89		
65	100065	Nguyễn Thị	Hồng	06/10/96		
66	100066	Đặng Hiếu	Học	14/04/94		
67	100067	Đinh Thanh	Huyền	29/10/92		
68	100068	Lê Thị Ngọc	Huyền	17/10/95		
69	100069	Nguyễn Thanh Ngọc	Huyền	17/07/93		
70	100070	Nguyễn Thu	Huyền	13/09/94		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 23 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **30/06/2018** Giờ thi: _____ Phòng thi: **B213**

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
71	100071	Nguyễn Thu	Huyền	02/10/92		
72	100072	Vũ Thị	Huyền	01/04/96		
73	100073	Trần Minh	Huy	16/01/96		
74	100074	Nguyễn Minh	Hùng	30/04/96		
75	100075	Dương Tấn	Hưng	05/05/95		
76	100076	Lê Thị Thanh	Hương	27/03/96		
77	100077	Lưu Kim	Hương	14/10/92		
78	100078	Nguyễn Thị	Hương	08/05/96		
79	100079	Nguyễn Thị	Hương	24/12/90		
80	100080	Phạm Thị	Hương	20/05/93		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 23 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **30/06/2018**

Giờ thi: _____

Phòng thi: **B213**

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
81	100081	Lương Thị Kim	Hưởng	13/01/95		
82	100082	Trần Tố	Hữu	25/06/91		
83	100083	Bùi Việt	Khoa	18/08/88		
84	100084	Nguyễn Đăng	Khoa	07/07/94		
85	100085	Nguyễn Đăng	Khoa	05/11/92		
86	100086	Lý Thiên	Kim	24/12/91		
87	100087	Phạm Hoàn Mỹ	Kim	24/04/96		
88	100088	Trần Thị	Lam	15/04/92		
89	100089	Phan Phong	Lan	21/08/91		
90	100090	Thiều Thị	Lan	12/02/90		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 23 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **30/06/2018** Giờ thi: _____ Phòng thi: **B213**

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
91	100091	Nguyễn Thanh	Lâm	27/08/96		
92	100092	Nguyễn Thị	Lành	03/03/92		
93	100093	Nguyễn Thanh	Liêm	29/09/89		
94	100094	Nguyễn Thị Thu	Liên	01/03/94		
95	100095	Đinh Hoàng	Linh	25/08/96		
96	100096	Đỗ Đặng Mỹ	Linh	31/08/96		
97	100097	Nguyễn Hoàng Tất	Linh	10/01/92		
98	100098	Nguyễn Nhật	Linh	24/08/91		
99	100099	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	31/10/96		
100	100100	Phạm Đình	Linh	20/08/92		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 23 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **30/06/2018** Giờ thi: _____ Phòng thi: **B215**

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
101	100101	Lưu Thị Phương	Loan	10/10/91		
102	100102	Dương Ngọc	Long	08/12/96		
103	100103	Nguyễn Hoàng	Long	04/10/93		
104	100104	Nguyễn Thị	Luyện	26/05/90		
105	100105	Nguyễn Thị Quý	Ly	08/11/93		
106	100106	Nguyễn Thị Trúc	Ly	22/05/92		
107	100107	Võ Thị Thanh	Lực	16/01/95		
108	100108	Quách Cẩm	Lương	27/12/89		
109	100109	Lê Thị Ngọc	Mai	20/12/95		
110	100110	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	02/07/77		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 23 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **30/06/2018**

Giờ thi: _____

Phòng thi: **B215**

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
111	100111	Phạm Thanh	Mai	14/12/96		
112	100112	Trần Thị Huỳnh	Mai	11/04/90		
113	100113	Nguyễn Trần	Mẫn	13/11/93		
114	100114	Nguyễn Hùng	Minh	05/03/90		
115	100115	Vũ Ngọc	Minh	30/11/91		
116	100116	Lê Thị Phương	My	02/12/93		
117	100117	Trần Thị Cẩm	My	08/01/96		
118	100118	Bùi Thị	Na	10/06/92		
119	100119	Phạm Hoàng	Nam	27/07/91		
120	100120	Trần Phương	Nam	16/02/92		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 23 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **30/06/2018**

Giờ thi: _____

Phòng thi: **B215**

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
121	100121	Bùi Thị Thảo	Ngân	17/10/96		
122	100122	Nguyễn Ngọc Thế	Ngân	28/09/94		
123	100123	Trương Thị Thùy	Ngân	17/06/95		
124	100124	Ngô Thị	Ngôn	24/02/93		
125	100125	Đào Bội	Ngọc	13/05/96		
126	100126	Đào Thị Liên	Ngọc	19/09/90		
127	100127	Lê Thụy Bích	Ngọc	02/06/92		
128	100128	Lê Thị Bích	Ngọc	19/04/96		
129	100129	Trần Thị Minh	Ngọc	15/01/95		
130	100130	Trương Lê Thanh	Ngọc	02/09/93		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 23 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **30/06/2018**

Giờ thi: _____

Phòng thi: **B215**

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
131	100131	Phan Thị Thảo	Nguyên	15/11/90		
132	100132	Trần Cao	Nguyên	16/10/90		
133	100133	Bùi Thị Thu	Nguyệt	16/06/96		
134	100134	Trương Thanh	Nhã	09/06/95		
135	100135	Lý Phu	Nhi	18/05/93		
136	100136	Nguyễn Thị Trúc	Nhi	07/09/92		
137	100137	Phạm Nguyễn Yến	Nhi	16/07/96		
138	100138	Trần Thị Yến	Nhi	25/10/96		
139	100139	Kim Thị Cẩm	Nhung	13/10/95		
140	100140	Trần Ngọc Hồng	Nhung	16/01/96		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 23 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **30/06/2018**

Giờ thi: _____

Phòng thi: **B215**

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
141	100141	Trần Thị Hoàng	Nhung	29/07/92		
142	100142	Võ Thị Hồng	Nhung	29/06/93		
143	100143	Nguyễn Thị Hồng	Nhí	27/10/96		
144	100144	Lê Hồ Quỳnh	Như	18/04/95		
145	100145	Bùi Thị Mỹ	Nường	28/11/96		
146	100146	Đỗ Thị Ngọc	Nữ	01/02/92		
147	100147	Nguyễn Phạm Ngọc	Nữ	12/01/89		
148	100148	Trần Hoàng	Oanh	22/08/91		
149	100149	Trần Thị Kim	Oanh	26/09/94		
150	100150	Nguyễn Tấn	Phát	03/06/93		

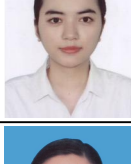
DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 23 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **30/06/2018**

Giờ thi: _____

Phòng thi: **B216**

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
151	100151	Lê Hồng	Phong	21/09/80		
152	100152	Nguyễn Tấn	Phong	20/06/95		
153	100153	Huỳnh Thị Minh	Phương	25/09/95		
154	100154	Lý Duy	Phương	01/06/91		
155	100155	Mai	Phương	11/11/93		
156	100156	Phạm Thị Linh	Phương	05/11/95		
157	100157	Phạm Thị Thúy	Phương	03/03/90		
158	100158	Trần Viết	Phương	14/02/92		
159	100159	Hoàng Thị	Phương	17/09/87		
160	100160	Đặng Trần	Quang	02/04/94		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 23 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **30/06/2018**

Giờ thi: _____

Phòng thi: **B216**

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
161	100161	Bùi Thị	Quế	19/10/95		
162	100162	Nguyễn Trung	Quyên	29/03/86		
163	100163	Lâm Đỗ Hoàng	Quyên	21/07/88		
164	100164	Lê Thùy Minh	Quyên	20/01/95		
165	100165	Nguyễn Ngọc Tố	Quyên	13/04/95		
166	100166	Nguyễn Thị Huỳnh	Quyên	09/08/95		
167	100167	Nguyễn Thị Thảo	Quyên	23/12/96		
168	100168	Phạm Thị Thảo	Quyên	13/04/94		
169	100169	Trần Ngọc Hồng	Quyên	09/08/96		
170	100170	Bùi Thị Xuân	Quỳnh	13/07/96		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 23 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **30/06/2018**

Giờ thi: _____

Phòng thi: **B216**

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
171	100171	Lê Thị Hoàng	Quỳnh	18/07/91		
172	100172	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	03/04/96		
173	100173	Phạm Thị	Quỳnh	10/05/91		
174	100174	Phạm Thị Thúy	Quỳnh	15/11/96		
175	100175	Huỳnh Hữu	Quý	30/08/94		
176	100176	Nguyễn Phú	Quý	24/07/94		
177	100177	Dương Phước	Sang	01/05/94		
178	100178	Nguyễn Thanh	Sang	02/04/95		
179	100179	Phạm Lê	Sum	10/10/92		
180	100180	Nguyễn Văn	Suốt	06/06/92		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 23 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **30/06/2018**

Giờ thi: _____

Phòng thi: **B216**

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
181	100181	Trần Ngọc	Sơn	16/09/93		
182	100182	Ngô Hoàng Minh	Tâm	27/09/96		
183	100183	Trần Thanh	Tâm	10/12/93		
184	100184	Trần Trịnh	Tâm	12/03/95		
185	100185	Hà Văn	Tân	19/01/93		
186	100186	Quang Minh	Tân	08/05/93		
187	100187	Võ Minh	Tân	09/02/86		
188	100188	Hồ Thanh	Tài	10/08/84		
189	100189	Nguyễn Nhật	Thanh	04/03/96		
190	100190	Nguyễn Thị Đan	Thanh	28/11/93		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 23 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **30/06/2018**

Giờ thi: _____

Phòng thi: **B310**

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
191	100191	Trần Thị Thanh	Thanh	18/01/94		
192	100192	Huỳnh Lê Thành	Thành	22/11/92		
193	100193	Nguyễn Thị Minh	Thắm	20/09/95		
194	100194	Nguyễn Phước	Thắng	17/07/89		
195	100195	Phạm Duy	Thạch	01/01/93		
196	100196	Nguyễn Hữu	Thành	31/08/88		
197	100197	Lương Công	Thảo	21/09/92		
198	100198	Nguyễn Thanh Thanh	Thảo	07/10/92		
199	100199	Nguyễn Thiện Thanh	Thảo	13/02/88		
200	100200	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	19/05/95		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 23 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **30/06/2018**

Giờ thi: _____

Phòng thi: **B310**

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
201	100201	Nguyễn Thị Thu	Thảo	13/03/91		
202	100202	Phạm Thị Thanh	Thảo	17/02/91		
203	100203	Trần Thị Bích	Thảo	15/08/92		
204	100204	Nguyễn Dạ Hoa	Thiên	26/06/96		
205	100205	Phạm Thị Mỹ	Thi	20/05/96		
206	100206	Huỳnh Thị Kim	Thoa	28/02/96		
207	100207	Lê Kim	Thoa	08/05/90		
208	100208	Dương Thị Phước	Thuận	28/12/93		
209	100209	Nguyễn Thị Kim	Thu	27/12/96		
210	100210	Trần Thị Kim	Thu	30/01/94		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 23 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **30/06/2018**

Giờ thi: _____

Phòng thi: **B311**

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
211	100211	Vũ Thị	Thu	25/01/96		
212	100212	Võ Quang	Thụy	04/02/95		
213	100213	Nguyễn Thị Minh	Thùy	13/04/93		
214	100214	Vũ Thị Thanh	Thùy	02/09/91		
215	100215	Nguyễn Thanh	Thúy	21/12/94		
216	100216	Tống Vũ Phương	Thúy	07/11/88		
217	100217	Trần Thị Ngọc	Thúy	12/10/93		
218	100218	Lưu Ngọc	Thủy	10/12/90		
219	100219	Nguyễn Thị	Thủy	01/02/91		
220	100220	Lâm Hà	Thy	05/02/96		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 23 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **30/06/2018**

Giờ thi: _____

Phòng thi: **B311**

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
221	100221	Trần Thị Mai	Thy	09/11/93		
222	100222	Hoàng Thúy Ngọc	Thơ	31/08/93		
223	100223	Huỳnh Thị Vĩnh	Thơ	05/01/95		
224	100224	Phan Thị Mộng	Thơ	16/08/90		
225	100225	Trần Ngọc Hoài	Thương	13/11/90		
226	100226	Phạm Việt	Tiến	01/09/94		
227	100227	Đỗ Phan Nhật	Tiên	07/07/96		
228	100228	Huỳnh Thị Bích	Tiên	20/10/96		
229	100229	Huỳnh Trần Thủy	Tiên	12/05/91		
230	100230	Lê Thị Thủy	Tiên	06/10/91		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 23 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **30/06/2018** Giờ thi: _____ Phòng thi: **B311**

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
231	100231	Trần Thị Mỹ	Tiên	17/05/95		
232	100232	Đinh Xuân	Toàn	03/02/93		
233	100233	Đỗ Thị Huyền	Trang	01/04/94		
234	100234	Lê Nguyễn Linh	Trang	25/02/96		
235	100235	Lê Thị Hà	Trang	10/12/93		
236	100236	Nguyễn Kim	Trang	15/11/91		
237	100237	Nguyễn Thị Hồng	Trang	11/05/95		
238	100238	Phùng Thị Thu	Trang	31/08/95		
239	100239	Trần Thị Thu	Trang	20/11/92		
240	100240	Lê Thị Thủy	Trâm	20/11/92		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 23 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **30/06/2018**

Giờ thi: _____

Phòng thi: **B312**

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
241	100241	Trần Văn	Trạng	28/06/90		
242	100242	Trần Thị	Trà	23/07/92		
243	100243	Đoàn Thị Thục	Trinh	01/07/93		
244	100244	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	15/06/95		
245	100245	Trần Tố	Trinh	25/09/95		
246	100246	Nguyễn Khoa Minh	Trung	03/12/96		
247	100247	Đào Đình	Trúc	10/08/86		
248	100248	Nguyễn Thanh	Trúc	16/09/96		
249	100249	Đặng Quốc	Trí	02/09/89		
250	100250	Lê Công	Trường	22/03/79		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 23 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **30/06/2018**

Giờ thi: _____

Phòng thi: **B312**

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
251	100251	Đoàn Anh	Tuấn	06/01/95		
252	100252	Phạm Công	Tuấn	26/02/92		
253	100253	Huỳnh Ngọc Kim	Tuyền	22/11/95		
254	100254	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	20/03/97		
255	100255	Trần Lê Phương	Tuyền	17/01/94		
256	100256	Huỳnh Thị Ánh	Tuyết	11/08/94		
257	100257	Nguyễn Khánh	Vân	12/01/94		
258	100258	Nguyễn Thị Bích	Vân	26/10/95		
259	100259	Trần Nguyễn Dạ	Vân	02/05/91		
260	100260	Nguyễn Thị Ly	Vê	22/02/93		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 23 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **30/06/2018** Giờ thi: _____ Phòng thi: **B312**

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
261	100261	Đặng Thị Yến	Vi	07/04/91		
262	100262	Nguyễn Quốc	Việt	03/03/95		
263	100263	Ôn Thái Quang	Vinh	05/02/96		
264	100264	Phan Quốc	Vinh	04/05/96		
265	100265	Phạm Thị Thảo	Vi	24/04/94		
266	100266	Lê Quốc	Vũ	28/09/93		
267	100267	Lưu Anh	Vũ	22/04/96		
268	100268	Mai Quang	Vũ	19/07/94		
269	100269	Nguyễn Thanh	Vũ	22/05/92		
270	100270	Trương Khả	Vy	08/10/96		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 23 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **30/06/2018**

Giờ thi:

Phòng thi:

B312

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
271	100271	Nguyễn Hoàng	Vương	07/01/92		
272	100272	Nguyễn Thành	Xuân	05/09/92		
273	100273	Phạm Thị	Xuyến	06/04/93		
274	100274	Bùi Thị Kim	Yến	06/06/95		
275	100275	Hoàng Thị Kim	Yến	07/12/96		
276	100276	Ngô Trương Bảo	Yên	25/03/89		
277	100277	Lại Văn	Ý	05/09/93		
278	100278	Nguyễn Võ Kim	Ý	09/03/96		
279	100279	Vũ Thị Kim	Oanh	10/11/91		